

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2024

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi
Nam Măng Thít, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024

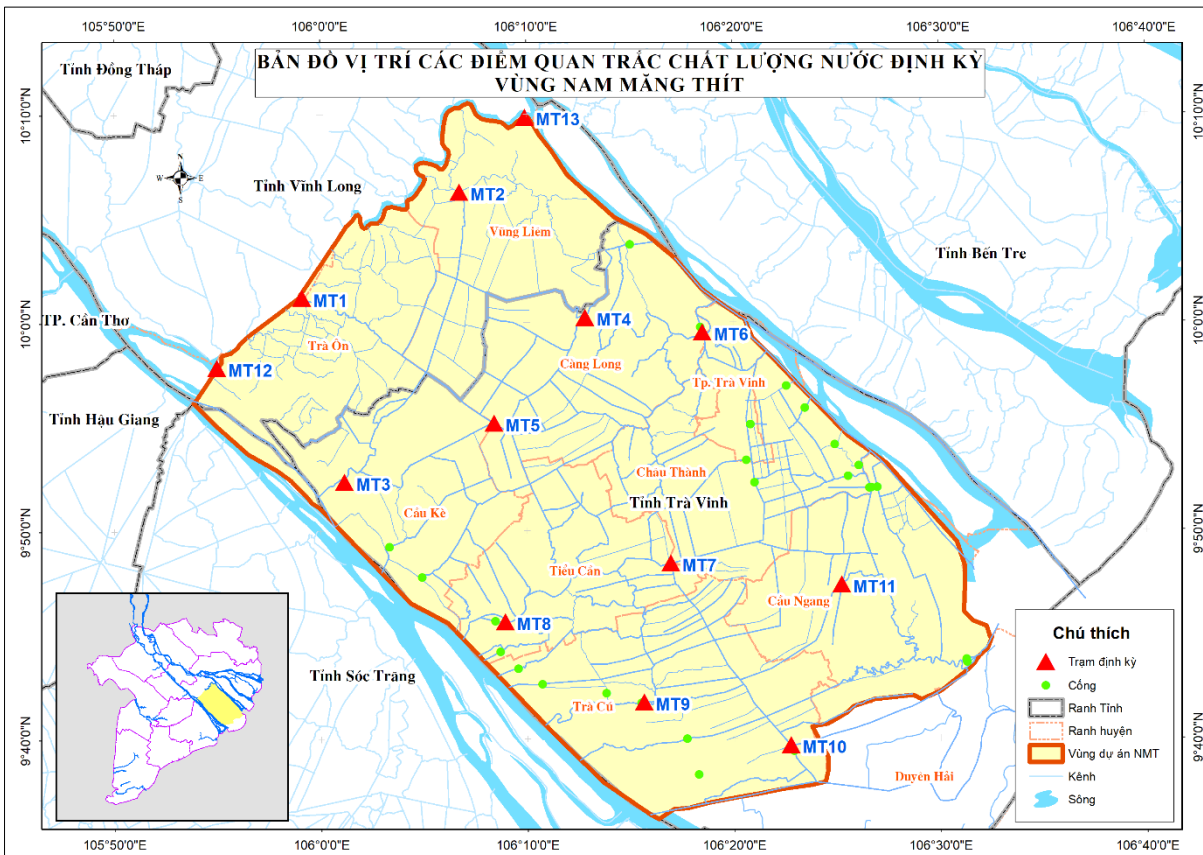
BẢN TIN TUẦN 15

Đợt đo ngày 07/05/2024, dự báo từ 17/05 đến 23/05/2024

I. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 07/05/2024

1. Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được đặt ở những điểm các kênh trục quan trọng trong khu vực nội đồng, có tầm ảnh hưởng lớn đến các khu vực xung quanh. Những kênh có cống thì trạm dự báo được đặt gần cống, phía trong đồng nhằm mục đích đánh giá được chính xác và tổng quan nhất mức độ ô nhiễm của nguồn nước khi vận hành công trình. Nhiệm vụ quan trọng 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Hình 1. Bản đồ vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

Bảng 1. Thông tin vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc		Xã	Huyện	Tỉnh
			X	Y			
1	MT1	Đầu sông Trà Ngoa	607.966	1.107.801	Trà Côn	Trà Ôn	Vĩnh Long
2	MT2	Kênh Bung Trường, Cống Bàu Xếp	621.886	1.117.202	Hiếu Phụng	Vũng Liêm	Vĩnh Long
3	MT3	Đầu kênh Bông Bốt	611.764	1.091.528	An Phú Tân	Cầu Kè	Trà Vinh
4	MT4	Kênh Mây Túc – Ngã Hậu	633.059	1.106.117	Càng Long	Càng Long	Trà Vinh
5	MT5	Kênh Trà Ngoa	625.008	1.096.756	Thanh Phú	Cầu Kè	Trà Vinh
6	MT6	Cống Láng Thế	643.446	1.104.839	Đại Phước	Càng Long	Trà Vinh
7	MT7	Rạch Càn Chông	640.652	1.084.401	Ngãi Hùng	Tiểu Càn	Trà Vinh
8	MT8	Cống Càn Chông	625.998	1.079.177	Tân Hòa	Tiểu Càn	Trà Vinh
9	MT9	Cống Trà Cú	638.320	1.072.074	Trà Cú	Trà Cú	Trà Vinh
10	MT10	Cống La Bang	651.316	1.068.315	Đôn Châu	Duyên Hải	Trà Vinh
11	MT11	Kênh Ba So	655.796	1.082.521	Hiệp Hòa	Cầu Ngang	Trà Vinh
12	MT12	Sông Măng Thít	600.450	1.101.604	Trà Ôn	Trà Ôn	Vĩnh Long
13	MT13	Sông Măng Thít	627.688	1.123.852	Quới An	Vũng Liêm	Vĩnh Long

2. Kết quả tính toán chất lượng nước và khuyến cáo sử dụng nguồn nước

Bảng 2. Kết quả đo đạc chất lượng nước

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L		
1	MT01	7,33	30,1	0,20	37	1,29	2,89	5,78	5,52	0,51	0,11	9300	65	<p>Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), nguồn nước tại đây đang ở mức trung bình, có thể sử dụng cho lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.</p> <p>Khi sử dụng nguồn nước cho mục đích sinh hoạt, cần chú ý coliform cao hơn quy chuẩn nhóm B theo QCVN08:2023.</p>
2	MT02	7,16	30,2	0,20	32	1,56	2,71	5,47	5,49	0,45	0,11	2300	98	<p>Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.</p>

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L		
3	MT03	7,46	30,1	0,30	85	3,03	2,58	5,07	6,35	0,46	0,10	4300	93	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.
4	MT04	7,21	30,0	0,30	13	2,29	3,01	5,23	5,00	0,39	0,14	4300	91	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.
5	MT05	6,94	29,9	0,20	37	1,50	2,52	5,31	5,30	0,67	0,19	15000	45	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nước đang ở mức kém, có thể sử dụng cho lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp nhưng cần phải xử lý trước.

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L		
														Khi sử dụng nguồn nước cho mục đích sinh hoạt, cần chú ý coliform cao hơn quy chuẩn nhóm B theo QCVN08:2023.
6	MT06	7,64	29,8	0,50	13	4,48	2,49	5,15	6,21	0,34	0,07	2300	99	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.
7	MT07	6,91	29,8	0,50	14	4,69	2,86	5,39	5,15	0,77	0,15	430	97	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L		
8	MT08	7,19	30,0	0,70	10	5,81	2,31	6,50	5,30	0,30	0,11	2300	97	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.
9	MT09	6,71	29,7	1,10	15	8,04	3,32	6,26	5,33	0,20	0,15	9300	65	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), nguồn nước tại đây đang ở mức trung bình, có thể sử dụng cho lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp Khi sử dụng nguồn nước cho mục đích sinh hoạt, cần chú ý coliform cao hơn quy chuẩn nhóm B theo QCVN08:2023. Độ mặn tại đây cũng cao hơn 1 g/L, cần phải lưu ý khi lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L		
10	MT10	6,85	30,0	0,80	33	6,38	2,77	9,50	5,56	1,04	0,17	900	98	<p>Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.</p>
11	MT11	7,14	30,2	1,50	16	10,8	2,80	6,97	5,44	0,34	0,10	4300	91	<p>Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, nguồn nước còn có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp.</p> <p>Độ mặn tại đây cao hơn 1 g/L nên cần phải lưu ý khi lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Chỉ số SAR ở đây cũng cao hơn 9 có thể làm ảnh hưởng tới đất và gây nguy hại đến một số loại cây trồng.</p>

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L		
12	MT12	7,48	30,1	0,20	26	1,16	2,49	5,07	5,93	0,54	0,18	9300	65	<p>Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), nguồn nước tại đây đang ở mức trung bình, có thể sử dụng cho lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.</p> <p>Khi sử dụng nguồn nước cho mục đích sinh hoạt, cần chú ý coliform cao hơn quy chuẩn nhóm B theo QCVN08:2023.</p>
13	MT13	7,45	30,3	0,20	17	1,16	2,55	5,23	6,28	0,40	0,12	46000	46	<p>Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với QCVN08:2023), nguồn nước tại đây đang ở mức kém, có thể sử dụng cho lấy nước cho sản xuất nông nghiệp nhưng cần phải xử lý trước.</p> <p>Khi sử dụng nguồn nước cho mục đích sinh hoạt cần chú ý coliform cao hơn quy chuẩn nhóm B theo QCVN08:2023.</p>

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	SAR	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L		mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL		
	QCVN08:2023/ BTNMT (Bảng 2, mức B)				≤ 100		≤ 6	≤ 15	≥ 5	≤ 1,5	≤ 0,3	≤ 5000		

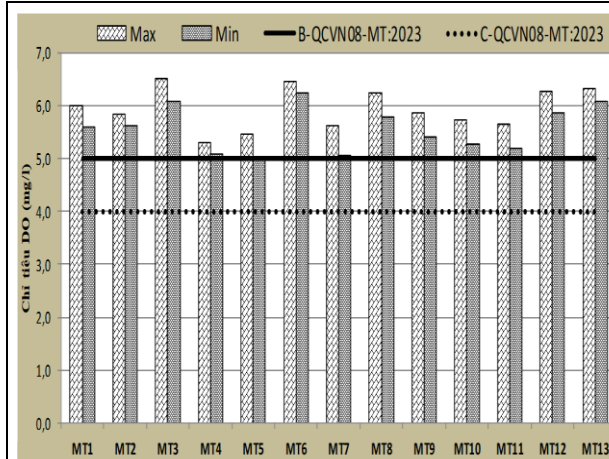
Ghi chú: Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

II. Dự báo chất lượng nước từ ngày 17/05/2024 đến ngày 23/05/2024

Các dự báo về chất lượng nước từ ngày 17/05/2024 đến ngày 23/05/2024 được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

1. Chỉ tiêu DO



Hình 2. Giá trị DO dự báo

Dự báo giá trị biến động của chỉ tiêu DO nhỏ nhất trong 7 ngày tiếp theo biến đổi từ 5,0 mg/l đến 6,5 mg/l.

Các vị trí ở phía đầu nguồn như MT1, MT2, MT3, MT6, MT12, MT13 gần các sông Mang Thít, sông Hậu và sông Cỏ Chiên nên giá trị DO đều cao.

Các vị trí giáp nước, cuối nguồn và các vị trí sau công như các điểm MT4, MT5, MT7, MT8, MT9, MT10, và MT11 có giá trị DO thấp hơn do nước ít được luân chuyển.

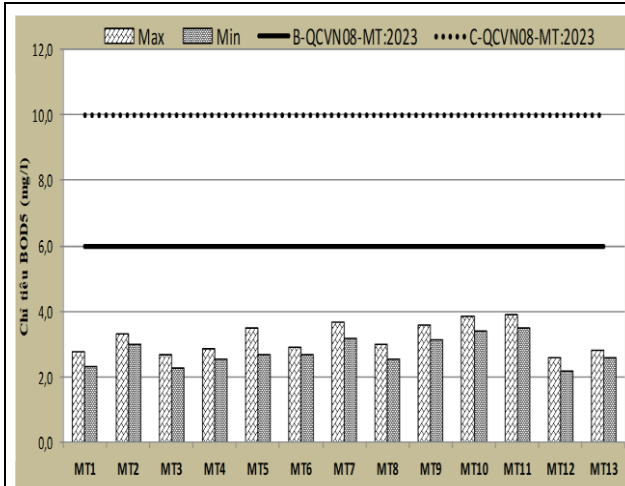
So sánh với QCVN 08-MT:2023 – Bảng 2, các giá trị dự báo đều đạt mức B. Chỉ tiêu chất lượng nước DO đảm bảo tốt cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 3. Kết quả dự báo thông số DO các trạm từ ngày 17-23/05/2024

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	17/05	18/05	19/05	20/05	21/05	22/05	23/05
1	MT1	5,67	5,65	5,64	5,60	5,67	5,81	6,01
2	MT2	5,76	5,70	5,68	5,61	5,62	5,71	5,84
3	MT3	6,16	6,14	6,13	6,09	6,16	6,31	6,50
4	MT4	5,23	5,17	5,15	5,07	5,08	5,17	5,31
5	MT5	5,10	5,07	5,07	5,04	5,12	5,28	5,47
6	MT6	6,39	6,34	6,32	6,25	6,24	6,33	6,47
7	MT7	5,19	5,07	5,05	5,09	5,23	5,42	5,63
8	MT8	5,90	5,81	5,79	5,82	5,92	6,08	6,24
9	MT9	5,52	5,43	5,41	5,44	5,55	5,71	5,87
10	MT10	5,39	5,30	5,28	5,31	5,42	5,58	5,74
11	MT11	5,31	5,22	5,20	5,23	5,34	5,50	5,66
12	MT12	5,91	5,90	5,89	5,85	5,92	6,07	6,26
13	MT13	6,23	6,18	6,16	6,09	6,09	6,18	6,31

2. Chỉ tiêu BOD₅



Hình 3. Giá trị BOD₅ dự báo

Dự báo BOD₅ lớn nhất trong 7 ngày tiếp theo biến đổi từ 2,2 mg/l đến 3,9 mg/l. Đối với các vị trí đầu nguồn như MT1, MT2, MT3, MT6, MT12, và MT13 do gần các sông lớn, không bị ứ đọng và luân chuyển dòng chảy nên giá trị BOD₅ đều thấp.

Ngược lại, với các vị trí giáp nước, nội đồng hay trong cống, nước ít được luân chuyển, các công thường đóng để ngăn mặn nên gây ứ đọng nước hay tích tụ chất thải dẫn đến cần nhiều oxy để oxy hóa các chất hữu cơ làm cho giá trị BOD₅ tăng cao.

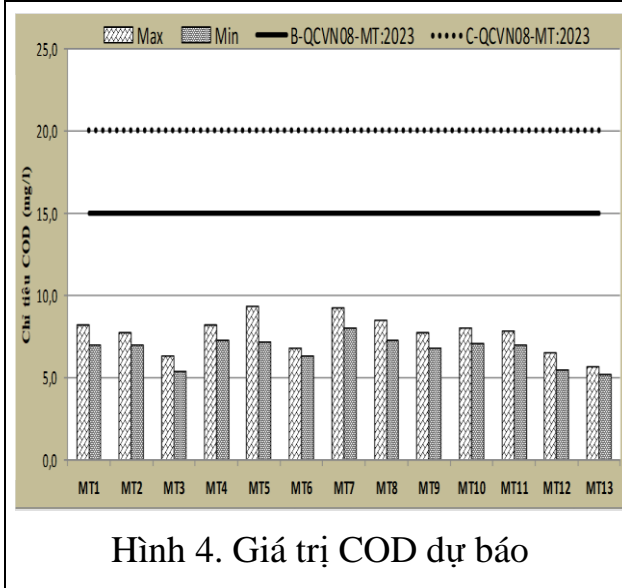
So sánh với QCVN 08-MT:2023 – Bảng 2, các giá trị BOD₅ dự báo đều thấp và dưới ngưỡng B. Nhìn chung, chỉ tiêu chất lượng nước BOD₅ đảm bảo tốt cho cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 4. Kết quả dự báo thông số BOD₅ các trạm từ ngày 17-23/05/2024

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	17/05	18/05	19/05	20/05	21/05	22/05	23/05
1	MT1	2,68	2,70	2,71	2,75	2,68	2,53	2,34
2	MT2	3,11	3,23	3,27	3,31	3,25	3,06	2,98
3	MT3	2,63	2,65	2,66	2,70	2,63	2,48	2,29
4	MT4	2,60	2,72	2,79	2,88	2,87	2,74	2,55
5	MT5	3,46	3,51	3,44	3,36	3,15	2,88	2,69
6	MT6	2,72	2,79	2,82	2,90	2,91	2,82	2,70
7	MT7	3,48	3,59	3,65	3,68	3,59	3,45	3,19
8	MT8	2,86	2,96	2,99	2,97	2,86	2,71	2,56
9	MT9	3,46	3,55	3,58	3,56	3,46	3,30	3,15
10	MT10	3,72	3,82	3,84	3,82	3,72	3,57	3,41
11	MT11	3,78	3,88	3,91	3,88	3,78	3,63	3,48
12	MT12	2,53	2,55	2,56	2,60	2,53	2,38	2,19
13	MT13	2,67	2,72	2,74	2,81	2,81	2,72	2,59

3. Chỉ tiêu COD



Chỉ tiêu COD có xu thế khá tương đồng với BOD₅. Giá trị COD lớn nhất dự báo trong 7 ngày tới biến đổi từ 5,2 mg/l đến 9,4 mg/l.

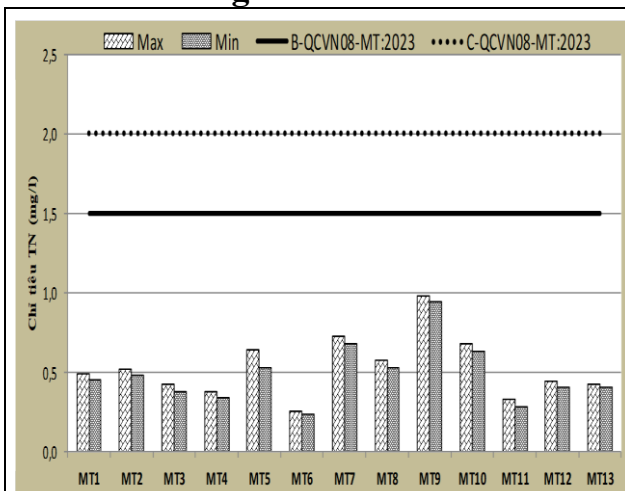
So sánh với QCVN 08-MT:2023 – Bảng 2, các giá trị đều dưới ngưỡng mức B. Chỉ tiêu chất lượng nước COD đảm bảo tốt phục vụ cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.

Bảng 5. Kết quả dự báo thông số COD các trạm từ ngày 17-23/05/2024

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	17/05	18/05	19/05	20/05	21/05	22/05	23/05
1	MT1	8,04	8,09	8,12	8,24	8,03	7,58	7,02
2	MT2	7,27	7,53	7,63	7,73	7,57	7,14	6,94
3	MT3	6,14	6,19	6,21	6,30	6,14	5,79	5,35
4	MT4	7,37	7,71	7,89	8,16	8,13	7,76	7,22
5	MT5	9,23	9,37	9,18	8,96	8,40	7,67	7,17
6	MT6	6,35	6,50	6,58	6,76	6,78	6,58	6,29
7	MT7	8,69	8,98	9,14	9,19	8,99	8,62	7,98
8	MT8	8,12	8,39	8,46	8,40	8,11	7,68	7,25
9	MT9	7,49	7,70	7,76	7,71	7,49	7,16	6,82
10	MT10	7,74	7,95	8,01	7,96	7,75	7,43	7,10
11	MT11	7,56	7,76	7,81	7,77	7,57	7,27	6,96
12	MT12	6,33	6,38	6,40	6,50	6,33	5,95	5,48
13	MT13	5,34	5,45	5,49	5,63	5,63	5,45	5,18

4. Chỉ tiêu tổng Nito - TN



Hình 5. Giá trị TN dự báo

Giá trị TN lớn nhất dự báo trong 7 ngày tới biến đổi từ 0,23 mg/l đến 0,98 mg/l. Đối với các vị trí đầu nguồn, gần sông lớn như MT1, MT2, MT3, MT6, MT12, và MT13, giá trị TN thường thấp do nước luôn được luân chuyển.

Với các vị trí giáp nước, nội đồng và trong cống như MT4, MT5, MT7, MT8, MT9, MT10, và MT11, giá trị TN thường cao do nước ít được luân chuyển, cống thường đóng ngăn mặn gây ứ đọng, tích tụ chất thải.

So sánh với QCVN 08-MT:2023 – Bảng 2, các giá trị tại vị trí nguồn cấp đều thấp dưới mức B, các vị trí nội đồng và trong cống cao hơn và dưới mức B.

Chỉ tiêu chất lượng nước TN đảm bảo tốt cho cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 6. Kết quả dự báo thông số TN các trạm từ ngày 17-23/05/2024

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	17/05	18/05	19/05	20/05	21/05	22/05	23/05
1	MT1	0,49	0,49	0,49	0,50	0,49	0,47	0,45
2	MT2	0,50	0,51	0,52	0,52	0,51	0,49	0,48
3	MT3	0,42	0,42	0,42	0,42	0,42	0,40	0,38
4	MT4	0,35	0,36	0,37	0,38	0,37	0,36	0,34
5	MT5	0,63	0,64	0,63	0,61	0,58	0,55	0,53
6	MT6	0,24	0,25	0,25	0,26	0,26	0,25	0,23
7	MT7	0,71	0,72	0,73	0,73	0,72	0,71	0,68
8	MT8	0,56	0,57	0,57	0,57	0,56	0,55	0,53
9	MT9	0,97	0,98	0,98	0,98	0,97	0,96	0,94
10	MT10	0,67	0,68	0,68	0,68	0,67	0,65	0,63
11	MT11	0,32	0,33	0,33	0,32	0,31	0,30	0,28
12	MT12	0,44	0,44	0,44	0,44	0,44	0,42	0,40
13	MT13	0,41	0,42	0,42	0,42	0,42	0,42	0,40

III. Kết luận, kiến nghị

Theo kết quả dự báo các chỉ số chất lượng nước (DO, BOD₅, COD, TN) tại 13 vị trí trong hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít, chất lượng nguồn nước trong hệ thống từ 17-23/5/2024 đáp ứng được yêu cầu cho sản xuất nông nghiệp (so với bảng 2, chất lượng nước loại B của QCVN 08:2023/BTNMT).

Theo kết quả dự báo nguồn nước, xâm nhập mặn của Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, mặn có xu hướng giảm sau ngày 16/5 với ranh mặn 4 g/l thấp nhất có thể vào sâu khoảng 40 km từ cửa sông ở khu vực ven sông Hậu và sông Cổ Chiên.

Kiến nghị các địa phương vùng NMT chủ động giám sát mặn chặt chẽ, tận dụng tối đa thời gian độ mặn nhỏ hơn 1 g/l trong tuần dự báo – thời kỳ mặn giảm, để vận hành các cống lấy nước thượng lưu ở cả hai nhánh sông Cổ Chiên (từ cống Láng Thè trở lên) và sông Hậu (từ cống Mỹ Văn trở lên), nhằm bổ sung nguồn nước ngọt cho khu nội đồng hệ thống, tăng lưu thông dòng chảy, giảm nồng độ nhiễm trên kênh rạch, đảm bảo chất lượng nước phục vụ sản xuất và xuống giống Hè Thu trong nội vùng.

Hiện tại, Đồng bằng sông Cửu Long đã bắt đầu bước sang mùa mưa; theo Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, thời tiết tại khu vực hệ thống trong tuần dự báo sẽ có mây, mưa rào và kèm theo dông. Vì vậy, khuyến cáo vận hành tiêu xả môi trường luân phiên phù hợp tại các khu vực công cuối nguồn để giảm thiểu chất ô nhiễm tồn đọng; thường xuyên theo dõi các thông tin dự báo về nguồn nước, xâm nhập mặn, chất lượng nước liên quan đến HTTL Nam Măng Thít để có các biện pháp ứng phó kịp thời.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT (để b/c);
- Cục Thủy lợi (để b/c);
- Sở NN&PTNT, Sở TN&MT, Chi cục Thủy lợi, Phòng Nông nghiệp/Kinh tế các huyện/TP tỉnh Trà Vinh và Vĩnh Long;
- Lưu: P.KHCN&HTQT.

KT.VIỆN TRƯỞNG

